TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **626**/2020/QĐST- HNGĐ	*Đống Đa, ngày 23 tháng 10 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA

Căn cứ Điều 149, Điều 212, Điều 213; Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 858/2020/TLST - HNGĐ ngày 13/10/2020 về việc: yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Anh Phạm Tiến L**, sinh năm 1966; Hộ khẩu thường trú tại: Trường Chinh, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- Chị Trần Thị Th, sinh năm 1987; Hộ khẩu thường trú tại: Khương Trung, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tình cảm: Anh Phạm Tiến L và chị Trần Thị Th kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, Hà Nội ngày 14/11/2015.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn bất đồng, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng không cảm thông, không chia sẻ được với nhau, cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt, việc ai người đó làm; anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay, mỗi người một nơi, không quan tâm, không chăm sóc nhau.

Anh L, chị Th đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cùng đề nghị Tòa án công nhận việc anh chị thuận tình ly hôn.

[2] Con chung: Anh L, chị Th xác nhận có 03 con chung là Phạm Văn Đ (nam), sinh ngày 30/10/2006; Phạm Hà A (nữ), sinh ngày 26/9/2017; Phạm Ngọc H (nữ), sinh ngày 19/10/2013. Anh L và chị Th thống nhất: Ly hôn, chị Th 3 con chung; việc cấp dưỡng nuôi con anh L và chị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Hàng tháng anh L có trách nhiệm chịu 1/2 chi phí học tập của 3 con theo phiếu thu tiền học của nhà trường, lớp nơi các con theo học (cụ thể mỗi người chịu 50% chi phí học tập của 3 con).

[3] Tài sản chung (động sản, bất động sản): Anh L, chị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Nợ chung: Anh L, chị Th xác nhận không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Lệ phí: Anh L, chị Th thống nhất để chị Th chịu cả 300.000đồng lệ phí ly hôn.

Xét thấy: Sự tự nguyện thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về nội dung hòa giải đó.

QUYẾT ĐỊNH:

Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. **Quan hệ hôn nhân**: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa Anh Phạm Tiến L **và chị Trần Thị Th**.

2. Con chung: Xác nhận anh L, chị Th có 03 con chung là Phạm Văn Đ (nam), sinh ngày 30/10/2006; Phạm Hà A (nữ), sinh ngày 26/9/2017; Phạm Ngọc H (nữ), sinh ngày 19/10/2013. Giao cả 03 con chung cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con anh L và chị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét; Anh L có trách nhiệm chịu 1/2 chi phí học tập hàng tháng của 3 con theo phiếu thu tiền học của nhà trường, lớp nơi các con theo học (cụ thể mỗi người chịu 50% chi phí học tập của 3 con).Việc anh L chịu 1/2 chi phí học tập hàng tháng của các con được thực hiện từ tháng 10/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Anh L có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh L, chị Th đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

4. Nợ chung: Anh L, chị Th đều xác nhận không vay nợ ai, không cho ai vay nợ và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

5. Lệ phí Tòa án: Chị Th chịu cả 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng chị Th đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014924 ngày 13/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận
- Đương sự;
- VKSND quận Đống Đa;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Đống Đa;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Quản Văn Tiến